

# TRƯỜNG THCS LONG BIÊN

## TỔ TỰ NHIÊN

### ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ I

NĂM HỌC: 2021 – 2022

MÔN: SINH HỌC 9

#### I. MỤC TIÊU

##### 1. Kiến thức

- Giải thích được các kết quả lai trong thí nghiệm của Mendel
- Trình bày được diễn biến của nhiễm sắc thể qua các kỳ của nguyên phân, giảm phân. Hiểu được ý nghĩa của quá trình nguyên phân, giảm phân
- Phát biểu và giải thích được cơ sở tế bào học Quy luật di truyền của Men đen

##### 2. Kỹ năng

- Rèn kỹ năng vận dụng giải một số bài tập di truyền đơn giản
- Vận dụng giải thích một số hiện tượng di truyền trong thực tế
- Rèn kỹ năng làm việc độc lập

##### 3. Thái độ

- Ôn tập nghiêm túc, ý thức tự học bài
- Có thái độ yêu thích môn học
- Biết yêu thương và chăm sóc thân thể

#### II. PHẠM VI ÔN TẬP

Chương I. CÁC THÍ NGHIỆM CỦA MENĐEN

Chương II. NHIỄM SẮC THỂ

#### III. NỘI DUNG ÔN TẬP

\* **Dạng bài: 100% trắc nghiệm**

\* **Một số câu trắc nghiệm minh họa**

**Câu 1: Theo Mendel, tính trạng được biểu hiện ở cơ thể lai F1 được gọi là**

- A. tính trạng lặn
- B. tính trạng tương ứng.
- C. tính trạng trung gian.
- D. tính trạng trội.

**Câu 2: Mendel chọn các cặp tính trạng tương phản khi thực hiện phép lai vì?**

- A. thuận tiện cho việc lai các cặp bố mẹ với nhau.
- B. thuận tiện cho việc theo dõi sự di truyền của từng cặp tính trạng qua các thế hệ.
- C. thuận tiện cho việc sử dụng toán thống kê để phân tích số liệu thu được.
- D. thuận tiện cho việc chọn các dòng thuần chủng.

**Câu 3. Phương pháp cơ bản trong nghiên cứu Di truyền học của Mendel là gì?**

- A. Phương pháp phân tích các thế hệ lai.
- B. Thí nghiệm trên cây đậu Hà Lan có hoa lưỡng tính.
- C. Dùng toán thống kê để tính toán kết quả thu được.
- D. Theo dõi sự di truyền của các cặp tính trạng.

**Câu 4. Điền từ còn thiếu vào chỗ trống:** “Theo định luật phân li của Mendel, khi lai giữa các cá thể khác nhau về ... và ..., thế hệ lai thứ ... xuất hiện cả tính trạng của bố và mẹ theo tỉ lệ ...”

- A. Một cặp tính trạng tương phản; thuần chủng; hai; 3 trội : 1 lặn.
- B. Hai cặp tính trạng; thuần chủng; hai; 3 trội : 1 lặn
- C. Một cặp tính trạng tương phản; thuần chủng; nhất; 3 trội : 1 lặn.
- D. Một cặp tính trạng tương phản; thuần chủng; hai; xấp xỉ 3 trội : 1 lặn.

**Câu 5. Kiểu gen là?**

- A. tổ hợp toàn bộ các gen trong tế bào của cơ thể.
- B. tổ hợp toàn bộ các alen trong cơ thể.
- C. tổ hợp toàn bộ các tính trạng của cơ thể.
- D. tổ hợp toàn bộ các gen trong cơ thể.

**Câu 6. Thế nào là kiểu hình?**

- A. Kiểu hình là tổ hợp toàn bộ các tính trạng của cơ thể.
- B. Kiểu hình là tất cả các tính trạng được thể hiện trên hình dạng của cơ thể.
- C. Kiểu hình bao gồm toàn bộ các đặc điểm hình thái của cơ thể.
- D. Kiểu hình là tổ hợp các tính trạng trong tế bào cơ thể

**Câu 7. Thế nào là tính trạng?**

- A. Tính trạng là những kiểu hình biểu hiện bên ngoài của cơ thể.
- B. Tính trạng là những biểu hiện về hình thái của cơ thể.
- C. Tính trạng là những đặc điểm về hình thái, cấu tạo, sinh lí của một cơ thể.
- D. Tính trạng là những đặc điểm sinh lí, sinh hóa của cơ thể.

**Câu 8. Thế nào là lai phân tích?**

- A. Là phép lai giữa cá thể mang kiểu gen dị hợp với cá thể mang kiểu gen đồng hợp
- B. Là phép lai giữa cá thể mang tính trạng trội cần xác định kiểu gen với cá thể mang kiểu gen đồng hợp.
- C. Là phép lai giữa cá thể mang tính trạng trội cần xác định kiểu gen với cá thể mang tính trạng lặn
- D. Là phép lai giữa cá thể mang kiểu gen dị hợp với cá thể mang tính trạng lặn.

**Câu 9. Phép lai nào sau đây được gọi là phép lai phân tích?**

- A. Aa x Aa
- B. Aa x AA
- C. Aa x aa
- D. AA x Aa

**Câu 10. Những loại giao tử có thể tạo ra được từ kiểu gen AaBb là:**

- A. AB, Ab, aB, ab
- B. AB, Ab
- C. Ab, aB, ab
- D. AB, Ab, aB

**Câu 11. Trong các phát biểu sau, phát biểu nào đúng?**

1. Theo quy luật phân li của Mendel thì hạt vàng, trơn là các tính trạng trội.
2. Theo quy luật phân li của Mendel thì hạt vàng, trơn là các tính trạng lặn.
3. Theo quy luật phân li của Mendel thì hạt xanh, nhăn là các tính trạng lặn.
4. Tính trạng trội chiếm tỉ lệ  $\frac{3}{4}$ , tính trạng lặn chiếm tỉ lệ  $\frac{1}{4}$ .
5. Tính trạng trội chiếm tỉ lệ  $\frac{1}{4}$ , tính trạng lặn chiếm tỉ lệ  $\frac{3}{4}$ .

6. Tính trạng trội và lặn đều chiếm tỉ lệ  $\frac{3}{4}$ .

A. 1, 3 và 4

B. 1, 3 và 5

C. 1, 2 và 4

D. 1, 3 và 6

**Câu 12. Ở chó, lông ngắn trội hoàn toàn so với lông dài. P: Lông ngắn thuần chủng x lông dài, kết quả ở F<sub>1</sub> như thế nào trong các trường hợp sau đây?**

A. Toàn lông dài.

B. 1 lông ngắn : 1 lông dài.

C. Toàn lông ngắn.

D. 3 lông ngắn : 1 lông dài

**Câu 13. Điền vào chỗ trống:** “Khi lai hai bố mẹ khác nhau về ... cặp tính trạng thuần chủng tương phản ... với nhau cho F<sub>2</sub> có tỉ lệ mỗi kiểu hình bằng ... các tỉ lệ của các tính trạng hợp thành nó”.

A. hai; di truyền độc lập; tích.

B. một; di truyền độc lập; tích.

C. hai; di truyền; tích.

D. hai; di truyền độc lập; tổng.

**Câu 14. Thế nào là thể dị hợp?**

A. Kiểu gen chứa cặp gen gồm 2 gen tương ứng giống hoặc khác nhau.

B. Kiểu gen chứa các cặp gen gồm 2 gen không tương ứng khác nhau.

C. Kiểu gen chứa cặp gen gồm 2 gen tương ứng khác nhau.

D. Các cặp gen trong tế bào cơ thể đều khác nhau.

**Câu 15. Biến dị tổ hợp là?**

A. Xuất hiện tổ hợp mới giống các tính trạng của bố

B. Xuất hiện tổ hợp mới giống các tính trạng của mẹ

C. Sự tổ hợp lại các tính trạng của P làm xuất hiện các kiểu hình khác P

D. Do ảnh hưởng các yếu tố bên trong cơ thể.

**Câu 16. Trong các kiểu gen sau đây, cá thể dị hợp bao gồm?**

1. aaBB

2. AaBb

3. Aabb

4. AABB

5. aaBb

6. Aabb

A. 2

B. 3 và 5

C. 2, 3 và 5

D. 1, 2, 3 và 5

**Câu 17. Phép lai AaBbccDd x AabbCcdd có thể sinh ra đời con có số loại kiểu gen là?**

A. 32

B. 16

C. 24

D. 48

**Câu 18. Hình thức sinh sản tạo ra nhiều biến dị tổ hợp ở sinh vật là?**

A. Sinh sản hữu tính.

B. Sinh sản vô tính.

C. Sinh sản sinh dưỡng.

D. Sinh sản nảy chồi.

**Câu 19. Bộ NST lưỡng bội của loài 2n có trong?**

A. Hợp tử, tế bào mầm.

B. Tế bào sinh dưỡng, tế bào mầm.

C. Tế bào mầm, hợp tử.

D. Hợp tử, tế bào sinh dưỡng, tế bào mầm.

**Câu 20. Trong cặp NST tương đồng của tế bào sinh dưỡng gồm?**

A. Hai NST có nguồn gốc từ bố

B. Một NST có nguồn gốc từ mẹ và 1 NST khác

C. Một NST có nguồn gốc từ bố và 1 NST có nguồn gốc từ mẹ

D. Hai NST có nguồn gốc từ mẹ

**Câu 21. Ở ruồi giấm, NST có hình dạng như thế nào ?**

- A. Hình que, hình hạt  
B. Hình hạt, hình chữ V  
C. Hình chữ V, hình que  
D. Hình hạt, hình que, hình chữ V

**Câu 22. Đặc điểm nào sau đây không phải là tính đặc trưng của bộ NST?**

- A. Trong tế bào sinh dưỡng, NST tồn tại thành từng cặp tương đồng  
B. Hình thái và kích thước NST  
C. Số lượng NST trong tế bào sinh dưỡng và trong giao tử  
D. Sự nhân đôi, phân li, tổ hợp

**Câu 23. Chọn câu đúng trong các câu sau?**

1. Trong tế bào sinh dưỡng, NST tồn tại thành từng cặp tương đồng, do đó số lượng NST sẽ luôn chẵn gọi là bộ lưỡng bội.
  2. Số lượng NST trong tế bào nhiều hay ít không phản ánh mức độ tiến hoá của loài.
  3. NST là sợi ngắn, bất màu kiềm tính, thấy được dưới kính hiển vi khi phân bào.
  4. Các loài khác nhau luôn có bộ NST lưỡng bội với số lượng không bằng nhau.
  5. Trong tế bào sinh dục chỉ chứa một NST của mỗi cặp tương đồng.
- A. 1, 2, 3 và 5  
B. 2, 3 và 5  
C. 3 và 4  
D. 2, 3 và 4

**Câu 24. Loại tế bào nào sau đây không mang cặp NST tương đồng?**

- A. Tế bào sinh dưỡng của ong đực  
B. Trong các tế bào đa bội và trong tế bào của thể song nhị bội  
C. Tế bào hợp tử  
D. Tế bào sinh dưỡng, tế bào sinh dục có  $2n$

**Câu 25. Trung thể có chức năng gì trong quá trình nguyên phân?**

- A. Tạo ra vách ngăn cách chia tế bào mẹ thành hai tế bào con.  
B. Tạo thoi phân bào, định hướng cho sự phân bào  
C. Mang vật chất di truyền, nhờ các cơ chế nhân đôi và phân li làm cho số lượng NST của hai tế bào con giống với tế bào mẹ  
D. Giúp các NST đính trên các dây tơ và phân li về hai cực trong phân bào

**Câu 26. Nguyên phân xảy ra ở các loại tế bào nào?**

- A. Tế bào sinh dưỡng, tế bào sinh dục.  
B. Tế bào sinh dục sơ khai (tế bào mầm), tế bào sinh dưỡng.  
C. Tế bào sinh dục.  
D. Tế bào sinh dưỡng

**Câu 27. NST kép tồn tại ở những kỳ nào của nguyên phân?**

- A. Kỳ đầu, kỳ giữa, kỳ sau.  
B. Kỳ trung gian, kỳ đầu.  
C. Kỳ trung gian, kỳ đầu, kỳ giữa  
D. Kỳ trung gian, kỳ đầu, kỳ giữa, kỳ cuối

**Câu 28. Một tế bào có  $2n = 14$ . Số NST của tế bào ở kỳ sau là?**

- A. 14  
B. 28  
C. 7  
D. 42

**Câu 29. 6 tế bào cái bấp  $2n = 18$  đều trải qua nguyên phân liên tiếp 4 lần. Số tế bào con được sinh ra sau nguyên phân là?**

- A. 96                      B. 16                      C. 64                      D. 896

**Câu 30. Ý nghĩa của nguyên phân là gì?**

- A. Nguyên phân là phương thức sinh sản của tế bào và sự lớn lên của cơ thể.  
B. Nguyên phân duy trì sự ổn định bộ nhiễm sắc thể đặc trưng qua các thế hệ tế bào.  
C. Nguyên phân là phương thức sinh sản của tế bào.  
D. Nguyên phân là phương thức sinh sản của tế bào và sự lớn lên của cơ thể, đồng thời duy trì ổn định bộ nhiễm sắc thể đặc trưng qua các thế hệ tế bào.

**Câu 31. Sự giống nhau giữa nguyên phân và giảm phân là gì?**

- A. Đều là hình thức phân bào có thoi phân bào  
B. Kết quả đều tạo ra 2 tế bào có bộ NST  $2n$   
C. Đều là hình thức phân bào của tế bào sinh dưỡng  
D. Kết quả đều tạo ra 4 tế bào có bộ NST  $2n$

**Câu 32. Một tế bào ngô  $2n = 20$  giảm phân hình thành giao tử. Số NST trong mỗi tế bào ở kỳ sau của giảm phân I là?**

- A. 5                      B. 10                      C. 40                      D. 20

**Câu 33. Kết quả của giảm phân tạo ra?**

- A. Tế bào sinh dưỡng có bộ nhiễm sắc thể  $2n$ .  
B. Giao tử có bộ nhiễm sắc thể  $n$ .  
C. Tinh trùng có bộ nhiễm sắc thể  $n$ .  
D. Trứng có bộ nhiễm sắc thể  $n$ .

**Câu 34. NST giới tính là?**

- A. cặp NST đặc biệt mang gen qui định tính đực  
B. cặp NST đặc biệt mang gen qui định tính cái.  
C. cặp NST đặc biệt mang gen qui định tính đực, cái  
D. cặp NST đặc biệt mang gen qui định tính đực, cái mang gen quy định các tính trạng liên quan và không liên quan với giới tính, và các tính trạng thường

**Câu 35. Trường hợp cá thể cái thuộc giới dị giao tử, cá thể đực thuộc giới đồng giao tử xuất hiện ở?**

- A. vượn                      B. bướm tằm                      C. ruồi giấm                      D. mèo

**Câu 36. Từ một noãn bào bậc I trải qua quá trình giảm phân sẽ tạo ra được?**

- A. 1 trứng và 3 thể cực  
B. 4 trứng  
C. 3 trứng và 1 thể cực  
D. 4 thể cực

**Câu 37. Hiện tượng cân bằng giới tính là?**

- A. Tỷ lệ đực : cái xấp xỉ 1 : 1 tính trên số lượng cá thể lớn của một loài động vật phân tính

- B. Tỷ lệ cá thể đực và cái ngang nhau trong một quần thể giao phối
- C. Tỷ lệ cá thể đực cái ngang nhau trong một lần sinh sản
- D. Cơ hội trứng thụ tinh với tinh trùng X và tinh trùng Y ngang nhau

**Câu 38. Bản chất của thụ tinh là gì?**

- A. Sự kết hợp của 2 bộ phận nhân lưỡng bội tạo ra bộ nhân đơn bội
- B. Sự kết hợp của 2 bộ nhân đơn bội tạo ra bộ nhân lưỡng bội
- C. Sự kết hợp của bộ nhân đơn bội với bộ nhân lưỡng bội tạo ra bộ nhân đơn bội
- D. Sự kết hợp của bộ nhân đơn bội với bộ nhân lưỡng bội tạo ra bộ nhân lưỡng bội

**Câu 39. Ở người sự thụ tinh giữa tinh trùng mang NST giới tính nào với trứng để tạo hợp tử phát triển thành con trai?**

- A. Sự thụ tinh giữa tinh trùng  $22A + Y$  với trứng  $22A + X$  để tạo hợp tử  $44A + XY$
- B. Sự thụ tinh giữa tinh trùng  $22A + X$  với trứng  $22A + X$  để tạo hợp tử  $44A + XX$
- C. Sự thụ tinh giữa tinh trùng  $22A + Y$  với trứng  $22A + Y$  để tạo hợp tử  $44A + YY$
- D. Sự thụ tinh giữa tinh trùng  $22A + X$  với trứng  $22A + Y$  để tạo hợp tử  $44A + XY$

**Câu 40. Điểm giống nhau giữa NST thường và NST giới tính là?**

1. Điều mang gen quy định tính trạng thường.
2. Điều có thành phần hoá học chủ yếu là prôtêin và axit nuclêic.
3. Điều ảnh hưởng đến sự xác định giới tính.
4. Điều có cá khả năng nhân đôi, phân li và tổ hợp cũng như biến đổi hình thái trong chu kì phân bào.
5. Điều có thể bị biến đổi cấu trúc và số lượng.

Số phương án đúng là:

- A. 2                                      B. 3                                      C. 4                                      D. 5

*Long Biên, ngày 16 tháng 10 năm 2021*

**Người lập đề cương**

**NHÓM TRƯỞNG**

**KT HIỆU TRƯỞNG**

**PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

*(đã ký)*

**Vũ Nguyễn Huyền Trang**

**Đào Thị Thanh Mai**

**Cao Thị Phương Anh**